

Trà Vinh, ngày 17 tháng 5 năm 2022

Số: 18 /BC-VPĐP

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới quý I và kế hoạch công tác quý II năm 2022

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh. Trong quý I năm 2022, Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh phối hợp các Sở, Ban, ngành và Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, kết quả cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUÝ I

1. Công tác tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện

Trong quý I năm 2022, đã tham mưu xây dựng Chỉ thị của Ban thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục tăng cường sự chỉ đạo của Đảng trong phát triển sản phẩm OCOP, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; phối hợp với huyện Châu Thành hoàn chỉnh hồ sơ huyện nông thôn mới trình Trung ương Quyết định công nhận đạt chuẩn; phối hợp với các Sở, ngành tỉnh hướng dẫn trình tự thủ tục, hồ sơ thực hiện đạt chuẩn huyện nông thôn mới cho 02 huyện Cầu Ngang và Duyên Hải; tổ chức khảo sát thực tế và tổ chức thẩm định trực tuyến kết quả xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã Ninh Thới, Thạnh Phú huyện Cầu Kè; khảo sát thực tế kết quả xây dựng NTM, NTM nâng cao trên địa bàn huyện Cầu Ngang, Càng Long và Trà Cú; tham mưu UBND tỉnh công nhận 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới (*Thanh Hòa Sơn, Nhị Trường, Thuận Hòa, huyện Cầu Ngang*) và 7 xã nông thôn mới nâng cao (*Phong Phú, Tam Ngãi, Thông Hòa, An Phú Tân, huyện Cầu Kè; Hùng Hòa, Long Thới, Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần*); tổ chức thẩm định trực tuyến và tổ chức họp bỏ phiếu đề nghị, xét công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao (*xã NTM: Đôn Xuân huyện Duyên Hải, Trường Thọ huyện Cầu Ngang, Tân Hiệp, An Quảng Hữu, Thanh Sơn huyện Trà Cú; xã NTM nâng cao: xã Long Toàn, Dân Thành thị xã Duyên Hải, Hiệp Mỹ Đông huyện Cầu Ngang ; Đại An, Ngọc Biên huyện Trà Cú, Đông Hải huyện Duyên Hải, Tân Bình, Đức Mỹ, Đại Phước huyện Càng Long*).

2. Công tác tuyên truyền, vận động

Trong quý I, Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố đã phối hợp với các xã, hội đoàn thể tổ chức lồng ghép, tuyên truyền về Chương trình nông thôn mới được 198 cuộc, với 2.599 lượt người tham dự. Các hình thức tuyên truyền chủ yếu là lồng ghép vào các cuộc họp ở các ấp tuyên truyền cho người dân nắm rõ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Chương trình xây dựng nông

thôn mới, vận động chỉnh trang cảnh quang môi trường; vận động người dân hiến đất, cây cối, hoa màu,...để thực hiện các công trình dân sinh trong xây dựng NTM, tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân về xây dựng hồ xí hợp vệ sinh, xây dựng hàng rào cây xanh, phát hoang bụi rậm các tuyến đường giao thông nông thôn,...

3. Kết quả thực hiện một số mục tiêu cơ bản

3.1. Huyện nông thôn mới

Huyện Châu Thành đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới tại Quyết định số 310/QĐ-TTg ngày 04/3/2022. Nâng tổng số đến nay, toàn tỉnh có 06/9 đơn vị cấp huyện (*huyện Tiểu Cần, Cầu Kè, Càng Long, Châu Thành, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh*) được Thủ tướng Chính phủ Quyết định công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

3.2. Xã nông thôn mới

Đã thẩm định các xã đăng ký đạt chuẩn trong năm 2021, đang hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận. Đến nay, toàn tỉnh có 80/85 xã đạt 19 tiêu chí (trong đó có 75 xã được Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định công nhận) chiếm tỷ lệ 94,12%; 02 xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí, chiếm 2,35%; 03 xã đạt 14 tiêu chí, chiếm tỷ lệ 3,53%. Bình quân tiêu chí đạt **18,76 tiêu chí/xã**.

3.3. Xã Nông thôn mới nâng cao

Trong quý đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định công nhận thêm 7 xã nông thôn mới nâng cao và đã tổ chức họp bỏ phiếu đề nghị, xét công nhận thêm 3 xã (*xã Long Toàn, Dân Thành, Hiệp Mỹ Đông*) nông thôn mới nâng cao năm 2021. Nâng tổng số đến nay toàn tỉnh có 18 xã: xã Long Đức, TP. Trà Vinh; xã Tân Hùng, Phú Cần, Tân Hòa Hùng Hòa, Long Thới, Hiếu Tử huyện Tiểu Cần; Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang; Thạnh Phú, Ninh Thới, Phong Phú, Tam Ngãi, Thông Hòa, An Phú Tân, huyện Cầu Kè; Long Vĩnh huyện Duyên Hải; An Trường, Nhị Long Phú huyện Càng Long đã được Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định công nhận đạt chuẩn xã NTM nâng cao.

3.4. Xã nông thôn mới kiểu mẫu

Đoàn thẩm định tỉnh đã tổ chức khảo sát thực tế và thẩm định trực tuyến kết quả xây dựng thôn mới kiểu mẫu của 02 xã Ninh Thới, Thạnh Phú huyện Cầu Kè. Hiện đang tổ chức lấy ý kiến xác nhận tiêu chí của các Sở, ngành.

3.5. Ấp nông thôn mới

Trong quý I, huyện Châu Thành, Cầu Ngang đã công nhận thêm 10 ấp nông thôn mới; huyện Cầu Ngang, Cầu Kè, Càng Long đã công nhận thêm 14 ấp nông thôn mới kiểu mẫu. Nâng tổng số đến nay trên địa bàn tỉnh có 618/641 ấp đạt chuẩn ấp văn hóa, ấp nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 96,41%, trong đó có 22 ấp nông thôn mới kiểu mẫu.

3.6. Hộ nông thôn mới

Trong quý I, huyện Càng Long, TP. Trà Vinh đã công nhận thêm 545 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới. Nâng tổng số đến nay trên địa bàn tỉnh có 214.825/231.588 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 92,76%.

4. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP).

- Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Cầu Kè hỗ trợ chủ thể Công ty TNHH chế biến dừa sáp Cầu Kè về lập và hoàn thành hồ sơ sản phẩm tiềm năng 5 sao đối với 04 sản phẩm Dừa sáp sợi (VICOSAP), Kẹo Dừa sáp Ca Cao (VICOSAP), Kẹo Dừa sáp nguyên chất và Kẹo Dừa sáp lá dứa (VICOSAP) gửi hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương đề nghị đánh giá, phân hạng, công nhận sản phẩm OCOP cấp quốc gia; Tổ chức buổi công bố Quyết định và trao Giấy chứng nhận sản phẩm OCOP tỉnh Trà Vinh năm 2021.

- Tham gia trưng bày và giới thiệu sản phẩm OCOP Vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại tỉnh Kiên Giang và tham mưu trình Sở Nông nghiệp và PTNT về việc hỗ trợ nguồn vốn đầu tư công trình Nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm OCOP tỉnh Trà Vinh. Tổng hợp về việc rà soát, đăng ký sản phẩm tham gia Chương trình OCOP năm 2022 và giai đoạn 2022 – 2025;

Đến nay, toàn tỉnh có 80 sản phẩm được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt sản phẩm OCOP, trong đó có 67 sản phẩm đạt 03 sao, 13 sản phẩm đạt 04 sao. Trong 80 sản phẩm được công nhận OCOP có 05 sản phẩm tiềm năng đạt 5 sao.

5. Kết quả phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình

Tính đến quý I/2022, tổng nguồn vốn phân bổ thực hiện chương trình là 142 tỷ đồng (*nguồn vốn ngân sách tỉnh theo Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2022*). Hiện tại các huyện đang phân bổ lại cho các ngành thực hiện, hiện chưa giải ngân.

6. Hạn chế

Bên cạnh những mặt đạt được, quá trình thực hiện Chương trình vẫn còn tồn tại một số hạn chế như sau:

- Trong quý I, việc phối hợp cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến Chương trình ở một số địa phương chưa tốt dẫn đến báo cáo theo định kỳ chậm trễ, không đảm bảo nội dung, số liệu, từ đó gặp khó khăn trong tổng hợp (*Đính kèm phụ lục*).

- Qua công tác phối hợp rà soát, đánh giá kết quả và đề xuất nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới vẫn còn một số địa phương đánh giá chưa sát tiêu chí dẫn đến đề xuất nhu cầu kinh phí quá lớn.

- Đến nay, nguồn vốn từ ngân sách Trung ương năm 2022 chưa được phân bổ, dẫn đến tình cũng như các địa phương chưa chủ động trong việc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện.

- Các cơ sở pháp lý để thực hiện Chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2022 đến nay Trung ương mới ban hành, hiện đang chờ các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn thực hiện, nên một số nội dung mới trong các bộ tiêu chí còn bị động.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUÝ II

1. Công tác tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện

- Tham mưu: Xây dựng và trình ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025; xây dựng Đề án tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025; chương trình công tác năm 2022 về Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; xây dựng Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM và các Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021-2025 thay thế giai đoạn 2016-2020; xây dựng kế hoạch Ngành nông nghiệp và PTNT chung sức xây dựng nông thôn mới năm 2022; xây dựng Kế hoạch, trình xin phê duyệt tham quan, học hỏi kinh nghiệm về tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; tham mưu thời gian, chuẩn bị công tác tổ chức Hội nghị tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ XD NTM năm 2021 và triển khai kế hoạch năm 2022.

- Phối hợp với Ban Chỉ đạo huyện Châu Thành tổ chức lễ công bố huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Công tác tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức

- Triển khai công tác tập huấn nâng cao kiến thức và cập nhật các quy định mới về Chương trình xây dựng nông thôn mới và Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền đến đội ngũ cán bộ và người dân cùng tham gia xây dựng nông thôn mới bằng nhiều hình thức cụ thể và hiệu quả phù hợp với công tác phòng chống dịch bệnh COVID – 19 trên địa bàn tỉnh.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

- Tiếp tục phối hợp với các Sở, Ban, ngành tỉnh tổ chức khảo sát thực tế kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022 và công tác xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn huyện Cầu Ngang, Duyên Hải.

- Kiểm tra công tác triển khai thực hiện và giải ngân nguồn vốn ngân sách tỉnh phân bổ theo Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh.

4. Công tác khác

- Tham dự lễ công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao năm 2021.

- Hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận xã nông thôn mới, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu;

- Cập nhật, Tổng hợp tin, ảnh lên cổng Thông tin điện tử Nông thôn mới;

- Một số công việc phát sinh khác.

Trên đây là kết quả thực hiện công tác quý I và kế hoạch quý II năm 2022 về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Trưởng BCD tỉnh;
- TT. BCD tỉnh (b/c);
- CT và PCT. Lê Thanh Bình (b/c);
- GD và các PGD Sở;
- VPDP NTM;
- Lưu: VT, VPDP.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG *Điện*
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Handwritten signature

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC PTNT
Huỳnh Kim Nhân

KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÃ, ÁP, HỘ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022
(Đính kèm Báo cáo số 18 /BC-VPPP ngày 1 tháng 3 năm 2022)

TT	Tên xã	Tổng số xã của huyện	Xã đạt chuẩn NTM			Xã dưới 12 tiêu chí	Áp, hộ gia đình văn hóa nông thôn mới				Ghi chú
			Số xã	Tên xã	Tỷ lệ (%)		áp VH, NTM	Tỷ lệ (%)	hộ gia đình VH, NTM	Tỷ lệ (%)	
1	Huyện Càng Long	13	13	Nhị Long Phú, An Trường, Tân Bình, Mỹ Cẩm, Đại Phước, Đức Mỹ, Đại Phúc, Phương Thạnh, Tân An, An Trường A; Bình Phú; Nhị Long; Huyền Hội	100	0	100	90,1	27.499	84,92	
2	Huyện Cầu Ngang	13	11	Mỹ Long Nam, Hiệp Mỹ Đông, Mỹ Long Bắc, Hiệp Mỹ Tây, Vinh Kim, Kim Hòa, Hiệp Hòa, Mỹ Hòa, Nhị Trường, Thạnh Hòa Sơn, Thuận Hòa	61,54	0	88	97,8	31.022	93,94	
3	Huyện Cầu Kè	10	10	An Phú Tân, Ninh Thới, Thạnh Phú, Thông Hòa, Tam Ngãi, Châu Điền, Phong Phú, Hòa An, Hòa Tân, Phong Thạnh.	100	0	61	100	28.310	94,90	
4	Huyện Châu Thành	13	13	Hung Mỹ, Hòa Minh, Lương Hòa A, Hòa Thuận, Nguyệt Hóa, Long Hòa, Thanh Mỹ, Mỹ Chánh, Lương Hòa, Song Lộc; Đa Lộc, Hòa Lợi, Phước Hảo	77	0	103	100	35.709	92,13	
5	Huyện Duyên Hải	6	4	Đông Hải, Long Vĩnh, Long Khánh, Ngũ Lạc	67	0	45	83,3	18.104	94,58	

6	TX. Duyên Hải	5	5	Dân Thành, Long Hữu, Trường Long Hòa, Hiệp Thành, Long Toàn	100	19	0	26	100	8.709	93
7	Huyện Trà Cú	15	9	Tân Sơn, Ngọc Biên, Tập Sơn, Đại An, Định An, Lưu Nghiệp Anh, Phước Hưng, Hàm Tân, Long Hiệp	60	16,93	0	114	99,1	35.972	92,73
8	Huyện Tiểu Cần	9	9	Phú Cần, Tập Ngãi, Hiếu Trung, Tân Hùng, Hiếu Tú, Long Thới, Hùng Hòa, Ngãi Hùng, Tân Hòa	100	19	0	69	100	24.598	97,44
9	TP. Trà Vinh	1	1	Long Đức	100	19	0	12	100	4.902	97,03
Tổng cộng		85	75				0	618	96,41	214.825	92,76

PHỤ LỤC: TỔNG TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI THEO NHÓM
(Đính kèm Báo cáo số 18 /BC-VPDP ngày 17 tháng 3 năm 2022)

TT	Nhóm	Kết quả đạt tiêu chí NTM	Số lượng (xã)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Nhóm 1	Số xã đạt 19 tiêu chí	80	94,12	
2	Nhóm 2	Số xã đạt 18 tiêu chí	0	0,00	
3		Số xã đạt 17 tiêu chí	1	1,18	
4		Số xã đạt 16 tiêu chí	1	1,18	
5		Số xã đạt 15 tiêu chí	0	0,00	
6	Nhóm 3	Số xã đạt 14 tiêu chí	3	3,53	
7		Số xã đạt 13 tiêu chí	0	0,00	
8		Số xã đạt 12 tiêu chí	0	0,00	
9		Số xã đạt 11 tiêu chí	0	0,00	
10		Số xã đạt 10 tiêu chí	0	0,00	
11	Nhóm 4	Số xã đạt 09 tiêu chí	0	0,00	
12		Số xã đạt 08 tiêu chí	0	0,00	
13		Số xã đạt 07 tiêu chí	0	0,00	
14		Số xã đạt 06 tiêu chí	0	0,00	
15		Số xã đạt 05 tiêu chí	0	0,00	
16	Nhóm 5	Số xã đạt 04 tiêu chí	0	0,00	
17		Số xã đạt 03 tiêu chí	0	0,00	
18		Số xã đạt 02 tiêu chí	0	0,00	
19		Số xã đạt 01 tiêu chí	0	0,00	
20		Số xã đạt 0 tiêu chí	0	0,00	



**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ TRỰC TIẾP
CHO CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022**

(Nguồn vốn ngân sách tỉnh)

(Kèm theo Báo cáo số 48 /BC-VPĐP ngày 17 tháng 3 năm 2022)

TT	Danh mục công trình	Địa điểm thực hiện	Quy mô	Kinh phí (Tr.đ)		Tiến độ thực hiện (%)	Giải ngân (Tr.đ)	Ghi chú
				Tổng mức đầu tư	Vốn được phân bổ			
	TỔNG CỘNG			142.240	142.000	0	0	
I	HUYỆN CẦU NGANG			80.240	80.000	0	0	
1	Xã Thuận Hòa			16.350	16.350	0	0	
1	Xây dựng bến xe huyện Cầu Ngang	Xã Thuận Hòa		16.070	16.070			
2	Xử lý ô nhiễm môi trường bãi rác huyện Cầu Ngang (Hạng mục: Nâng cấp, cải tạo)	Xã Thuận Hòa		280	280			
2	Xã Long Sơn			6.060	5.820	0	0	
1	Tuyến đường từ Vi Tảo đến HL12	Xã Long Sơn		2.100	2.100			
2	Trường tiểu học Long Sơn C	Xã Long Sơn		1.920	1.920			
3	Xây dựng 02 nhà văn hóa ấp Tân Lập và ấp Huyền Đức	Xã Long Sơn	NVH Tân Lập 98m2, Huyền Đức 98,4m2	960	1.800			
4	Xây dựng 02 nhà văn hóa ấp La Bang và ấp Long Hanh	Xã Long Sơn	NVH La Bang 98m2, La Hanh 98m2	1.080				
3	Xã Mỹ Hòa			14.520	14.520	0	0	
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Cầu Ngang	Xã Mỹ Hòa		8.760	8.760			
2	Xây dựng khu sinh hoạt văn hóa - thể thao huyện Cầu Ngang	Mỹ Cẩm B, xã Mỹ Hòa		5.760	5.760			
4	Xã Thạnh Hòa Sơn			6.270	6.270	0	0	

ĐVT: Triệu đồng



1	Trường Tiểu học Thạnh Hòa Sơn (Hạng mục: Khối 4 phòng học bộ môn)	Xã Thạnh Hòa Sơn	2.910	2.910			
2	Trường Trung học cơ sở Thạnh Hòa Sơn (Hạng mục: Khối 4 phòng học bộ môn)	Xã Thạnh Hòa Sơn	1.560	1.560			
3	Đường đal từ nhà ông Thạch Chánh đến nhà ông Sơn Út Hiếu	Xã Thạnh Hòa Sơn	850	850	Đal 2,5mx365m		
4	Đường đal từ nhà Thạch Trường đến nhà ông Thạch Xứng	Xã Thạnh Hòa Sơn	410	410	Đal 2,5mx260m		
5	Hàng rào, tráng sân nhà văn hóa xã	Xã Thạnh Hòa Sơn	540	540	365m		
5	Xã Trường Thọ		8.540	8.540		0	0
1	Trường Tiểu học Trường Thọ B (Hạng mục: Khối 03 phòng bộ môn + 04 phòng chức năng, nhà vệ sinh, hàng, công, HTTN - Điểm Sóc Cụt; khối 08 phòng học, nhà vệ sinh, sân đường, hàng rào - Điểm Căn Nom)	Xã Trường Thọ	5.580	5.580			
2	Xây dựng 02 phòng chức năng, hàng rào nhà văn hóa xã Trường Thọ	Xã Trường Thọ	900	900	02 phòng chức năng: 102,4m ² ; hàng rào: 27,58m		
3	Đường đal từ nhà ông Danh đến HL17	Xã Trường Thọ	885	885	Đal 2,5mx491m		
4	Khu vui chơi giải trí trẻ em và người cao tuổi	Xã Trường Thọ	975	975	Sân lát MB: 1.889m ² ; Xây sân, bồn hoa, HTTN: 1.544m ²		
5	Nâng cấp, cải tạo nhà văn hóa áp Sóc Cụt	Xã Trường Thọ	200	200	66,72m ²		
6	Thị trấn Cầu Ngang		8.880	8.880		0	0
	Xây dựng Quảng trường huyện Cầu Ngang	Thị trấn Cầu Ngang	8.880	8.880			
7	Xã Mỹ Long Bắc		1.800	1.800		0	0
	Xây dựng nhà kho chứa bao bì thuốc BVTV sau sử dụng và kính thủy tinh	Xã Mỹ Long Bắc	1.800	1.800			
8	Xã Hiệp Mỹ Đông		5.300	5.300		0	0

